

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 116/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A: Ông V2 - Cán bộ Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh H; Cùng địa chỉ: C L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: A N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm: 1965; Địa chỉ: 4 P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm: 1965; Địa chỉ: 4 P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, nghĩa vụ thanh toán nợ và thời hạn thanh toán:

Tính đến ngày 16/12/2024, Công ty TNHH M còn nợ của Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền: 4.523.647.135 đồng (trong đó nợ gốc: 3.909.888.365 đồng, nợ lãi là 612.798.746 đồng).

Công ty TNHH M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 4.523.647.135 đồng (trong đó nợ gốc: 3.909.888.365 đồng, nợ lãi là 612.798.746 đồng), hạn cuối vào ngày 25/12/2024.

Kể từ ngày 17/12/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận được quy định tại các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh: Đến hết ngày 25/12/2024, Công ty TNHH M, bà Lê Thị Bích L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 815, tờ bản đồ số 8, diện tích 105 m², tọa lạc tại lô D khu đô thị M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL399019 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 05/4/2022 đứng tên Công ty TNHH M, theo Hợp đồng thế chấp ngày 06/6/2022.

- Các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị Bích L là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH M để thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn Công ty TNHH M chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng. Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V đã tạm ứng chi phí số tiền này nên Công ty TNHH M phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng.

2.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH M tự nguyện thỏa thuận Công ty TNHH M chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.261.823 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí số 56.064.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005645 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như T